TÒA ÁN NHÂN DÂN THB TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/4/2019.
"V/v tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THB,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Trí
2.Ông Thông Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân THB, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân THB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 600/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2018, về việc: "Tranh chấp về ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị T.H.L- sinh năm 1990 (Có mặt)

***Bị đơn:** Anh N.M.T– Sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn LH , xã HL, THB, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2018 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T.H.Ltrình bày: Tôi và anh N.M.Tcưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dânxã HL, THB, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng tại thôn LH , xã HL, THB, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi anh N.M.Tkhông hợp ý nhau hay cãi nhau nhiều lần, anh T hay nhậu nhẹt say xỉn không lo làm ăn. Tôi tự ý thuê nhà trọ ở, vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ đầu năm 2018 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì không có liên hệ hàn gắn hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đượcnên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ: Không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh N.M.Tvắng mặt nên không có lời khai trình bày.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh N.M.Tđể tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T không đến Tòa án huyện để cung cấp tài liệu chứng cứ gì nhằm bảo vệ quyền lợi của anh nên Tòa không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập biên bản về việc tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh N.M.Tkhông thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa, chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòac án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Minh T.

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2019 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tạixã HL, THB, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân THB có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của chị T.H.Lthì chị và anh N.M.Tsống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dânxã HL, THB, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không lo cho gia đình mà ham nhậu nhẹt, vợ chồng sống không hợp ý hay cãi nhau. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Hồng L.

3. Về con chung: vợ chồng chưa có con chung.

4. Về tài sản và nợ: Chị T.H.Lkhông yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T.H.Llà nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh N.M.Tkhông phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238***;*** Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.H.Lđối với anh Nguyễn Minh T. Chị T.H.Lđược ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

3.Về án phí, lệ phí: Chị T.H.Llà nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị L đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0023243 ngày 07/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự THB, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh N.M.Tkhông phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N.M.Tvắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND THB;
-Chi cục THADS THB;
-Các đương sự;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Ung Thanh Quang